

## MỤC LỤC

I. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:	2
II. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN:	3
1. Tóm tắt về công ty :	3
1.1 Lịch sử hình thành và phát triển:	3
1.2 Giới thiệu về công ty:	4
2. Cơ cấu bộ máy tổ chức công ty :	4
3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty :	5
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần :	6
5. Hoạt động kinh doanh :	7
5.1 Các chủng loại sản phẩm, dịch vụ :	7
5.2 Sản lượng sản xuất từng nhóm sản phẩm :	9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinhdoanh những năm gần nhất :	9
7. Số lượng người lao động trong công ty :	10
III. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:	11
IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:	13
V. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SÓAT:	20
VI. BÁO CÁO KIỂM TÓAN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG:	25
VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:	26
1. Bảng cân đối kế toán:	26
2. Báo cáo kết quả kinh doanh:	29
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:	30
4. Thuyết minh báo cáo tài chính:	32

## **I. THÔNG ĐIỀP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

*Kính thưa các Quý cổ đông, quý nhà đầu tư, quý khách hàng và toàn thể người lao động thân mến.*

Thay mặt Hội đồng quản trị Công Ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar, tôi xin gửi đến toàn thể Quý vị lời chúc sức khỏe, may mắn và hạnh phúc.

Năm 2012 tình hình kinh tế trong nước tiếp tục chịu hậu quả từ cuộc khủng hoảng tài chính kéo dài từ năm trước làm cho nền kinh tế tăng trưởng chậm, GDP tăng 5,2% đạt mức thấp. Trong đó, Ngành dược được đánh giá là ngành tiềm năng và tăng trưởng ổn định, tuy còn nhiều khó khăn, sức cạnh tranh cao, giá cả đầu vào tăng trong khi đó vẫn phải thực hiện các chương trình bình ổn giá bán, giá cung cấp thuốc cho các bệnh viện ổn định, v.v... Nhưng Công ty Mekophar về cơ bản vẫn hoàn thành kế hoạch mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2012 là Doanh thu là 1.101 tỷ đồng đạt kế hoạch 105%, nộp ngân sách nhà nước là 54 tỷ đồng đạt kế hoạch 104% và lợi nhuận trước thuế là 102 tỷ đồng đạt kế hoạch 102%.

Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar vẫn là một trong những công ty dẫn đầu của Tổng Công ty Dược Việt Nam cũng như Ngành Dược Việt Nam, với kết quả đạt được trong năm 2012, trước hết là nhờ Mekophar có đường hướng kinh doanh đúng, dự báo được tình hình và biết vượt lên những khó khăn thách thức của hiện tại; có sự chung sức, đồng lòng ủng hộ hết mình của Quý cổ đông và nhà đầu tư, mà điểm nổi bật là sự tập trung theo sát các hoạt động của Mekophar là Hội Đồng Quản Trị. Công ty sớm vượt qua so với kế hoạch đã đề ra là điều quan trọng. Thành tích có được của năm 2012 không thể tách rời với sự đoàn kết, cố gắng, nỗ lực của toàn thể người lao động toàn Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar và cùng gắn liền với sự tín nhiệm của khách hàng trong và ngoài nước.

Năm 2013, năm vẫn còn nhiều khó khăn, thử thách phía trước cho nền kinh tế Việt Nam. Giá các nguyên vật liệu dược phẩm trên thị trường thế giới và tỷ giá tương đối ổn định nhưng giá năng lượng, nhiên liệu tăng và sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước càng ngày càng tăng. Vì vậy, với nhiệm vụ chỉ tiêu năm 2013 doanh thu đạt 1.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 90 tỷ đồng, là cam kết của Mekophar với các quý cổ đông và nhà đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban điều hành sẽ quyết tâm vượt qua những thách thức và cùng đội ngũ người lao động tiếp tục đoàn kết nỗ lực phấn đấu thực hiện các kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chúng tôi luôn nhận thấy rằng không gì thiết thực hơn đối với Quý cổ đông và nhà đầu tư bằng việc tiếp tục nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng đồng vốn của chủ sở hữu. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ và quan tâm của Quý cổ đông, nhà đầu tư, toàn thể cán bộ công nhân viên và quý khách hàng.

Kính chúc quý vị sức khỏe và mọi điều tốt đẹp ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



*ĐS. Huỳnh Thị Lan*

## **I. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, CHIẾN LƯỢC VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN:**

### **1. Tóm tắt về công ty:**

#### **1.1. Lịch sử hình thành và phát triển:**

Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24 được thành lập theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24 đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty khi cổ phần hóa là 36.000.000.000 đồng trong đó vốn nhà nước là 45%, đến nay vốn điều lệ tăng lên 101.159.320.000 đồng trong đó vốn nhà nước là 29%.

MEKOPHAR là một trong những doanh nghiệp Dược đầu tiên của Việt Nam đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Công ty đã không ngừng đầu tư máy móc, trang thiết bị, cải tạo và xây dựng nhà xưởng để phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, đến nay Công ty đã đưa vào hoạt động các phân xưởng đạt tiêu chuẩn GMP-WHO như: phân xưởng thuốc kháng sinh  $\beta$ -lactam (Bêtalactam); phân xưởng dược phẩm với các bộ phận trực thuộc như bộ phận thuốc uống Non- $\beta$ lactam (Non-Bêtalactam), bộ phận dịch truyền, bộ phận kháng sinh bột tiêm, bộ phận thuốc nước và thuốc mỡ. Phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP, hệ thống kho đạt tiêu chuẩn GSP. Thực hành tốt phân phối thuốc GDP. Thực hành tốt nhà thuốc GPP.

Hiện nay, Công ty đang được cấp phép sản xuất trên 300 sản phẩm các loại. Sản phẩm của MEKOPHAR được sản xuất trên quy trình và trang thiết bị hiện đại, đảm bảo đúng tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ y tế.

Ngày 30 tháng 09 năm 2008, MEKOPHAR nhận giấy chứng nhận thực hành sản xuất thuốc của Cục quản lý Dược về đạt yêu cầu “Thực hành tốt sản xuất thuốc” theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới.

Những giải thưởng, danh hiệu cao quý mà Công ty nhận được trong quá trình hoạt động:

<b>NĂM</b>	<b>DANH HIỆU</b>	<b>CẤP KHEN THƯỞNG</b>
2006	Huân chương lao động hạng Nhì	Chủ tịch nước
2006	Cờ thi đua	Chính phủ
2008	Cờ thi đua	Bộ Y tế
2006 - 2010	Bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác chăm sóc sức khỏe và phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động	Bộ Y tế
2006 - 2009	Bằng khen	UBND Tp. Hồ Chí Minh
2006 - 2011	Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao, chứng nhận thương hiệu mạnh.	
2011	Doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín	Bộ Công Thương
2010 - 2012	Thương hiệu mạnh Việt Nam	

## 1.2. Giới thiệu về Công ty:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar.
- Tên giao dịch: MEKOPHAR CHEMICAL PHARMACEUTICAL JOINT – STOCK COMPANY.
- Tên viết tắt: MEKOPHAR.

- Logo:



- Vốn điều lệ: 101.159.320.000 VNĐ (Một trăm lẻ một tỷ một trăm năm mươi chín triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng Việt Nam).
- Tương ứng với: 10.115.932 cổ phiếu phổ thông.
- Trụ sở chính: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.
- Điện thoại: (84-8) 3 8650258 - (84-8) 3 8650363
- Fax: (84-8) 3 8650394
- Website: [www.mekophar.com](http://www.mekophar.com)
- Email: [info@mekophar.com](mailto:info@mekophar.com)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Mã số doanh nghiệp 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 08/02/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/12/2012.

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Sản xuất thuốc. Bán buôn thuốc. Bán buôn nước hoa. Hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn dụng cụ y tế. Dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc. Bán lẻ thuốc. Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược (chai nhựa, hộp giấy, thùng carton). Sản xuất hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống). Bán buôn thực phẩm chức năng; thực phẩm công nghệ chế biến. Sản xuất mỹ phẩm (không sản xuất hóa chất cơ bản, xà phòng, chất tẩy rửa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản; dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng; cho thuê căn hộ. Bán buôn hàng may mặc. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai. Bán buôn đồ uống. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh. Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính, pháp lý). Tư vấn chuyển giao công nghệ. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản) ./.

## 2. Cơ cấu bộ máy tổ chức:

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar:

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 38650 258 Fax: (84-8) 38650 394

Với tổng diện tích khoảng 18.600m<sup>2</sup>, trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc Công ty và các phòng nghiệp vụ của Công ty gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Phòng Đảm bảo chất lượng (QA), Phòng Kiểm tra chất lượng (QC), Phòng Nghiên cứu phát triển, Phòng Thống kê - Kế toán, Ngân hàng tế bào gốc (Mekostem) và cũng là nơi đặt các phân xưởng sản xuất thuốc chính.

- Các chi nhánh của Công ty: chi nhánh của Công ty quản lý các Nhà phân phối của Công ty (các công ty kinh doanh dược có năng lực phân phối trên toàn quốc), làm đầu mối trong việc nghiên cứu thị trường, tiêu thụ sản phẩm, kiểm tra chặt chẽ chất lượng hàng tồn kho và nhu cầu dự trữ, kiểm tra và quản lý công nợ.

STT	CHI NHÁNH	LIÊN LẠC
1	Chi nhánh Hà Nội	95 Láng Hạ, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội. Điện thoại: (04) 38561 353 Fax: (04) 35142 297 Email: <a href="mailto:hanoi@mekophar.com">hanoi@mekophar.com</a>
2	Chi nhánh Đà Nẵng	70 Phan Văn Nghị, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng Điện thoại: (0511) 3653 179 Fax: (0511) 3653 177 Email: <a href="mailto:danang@mekophar.com">danang@mekophar.com</a>
3	Chi nhánh Cần Thơ	17A CMT8, Quận Bình Thủy, Tp.Cần Thơ Điện thoại: (0710) 3825 400 Fax: (0710) 3762 050 Email: <a href="mailto:cantho@mekophar.com">cantho@mekophar.com</a>

- Các cửa hàng giới thiệu sản phẩm: giữ nhiệm vụ bán và giới thiệu các sản phẩm của Công ty đến người sử dụng, làm đầu mối trong việc nghiên cứu thị trường, tiêu thụ sản phẩm. Hiện nay Công ty có 05 cửa hàng giới thiệu sản phẩm đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh:

STT	TÊN CỬA HÀNG	LIÊN LẠC
1	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại Văn phòng Công ty	Điện thoại: 08 - 3865 0528
2	Hiệu thuốc số 1 D9 -10, 134/1 Tô Hiến Thành, Quận 10, TP.HCM	Điện thoại: 08 – 3866 7118
3	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm 940 Ba Tháng Hai, Quận 11, TP.HCM	Điện thoại: 08 – 3866 7380
4	Cửa hàng giới thiệu và bán thực phẩm công nghệ 192 Pasteur, Q.3, TP.HCM	Điện thoại: 08 – 3822 5160

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty:

Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar có bộ máy quản lý tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần bao gồm:

#### Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty...

#### Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Số thành viên của Hội đồng quản trị có từ 05 đến 09 thành viên. Hiện tại Hội đồng quản

trị Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar có 07 thành viên, nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 5 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

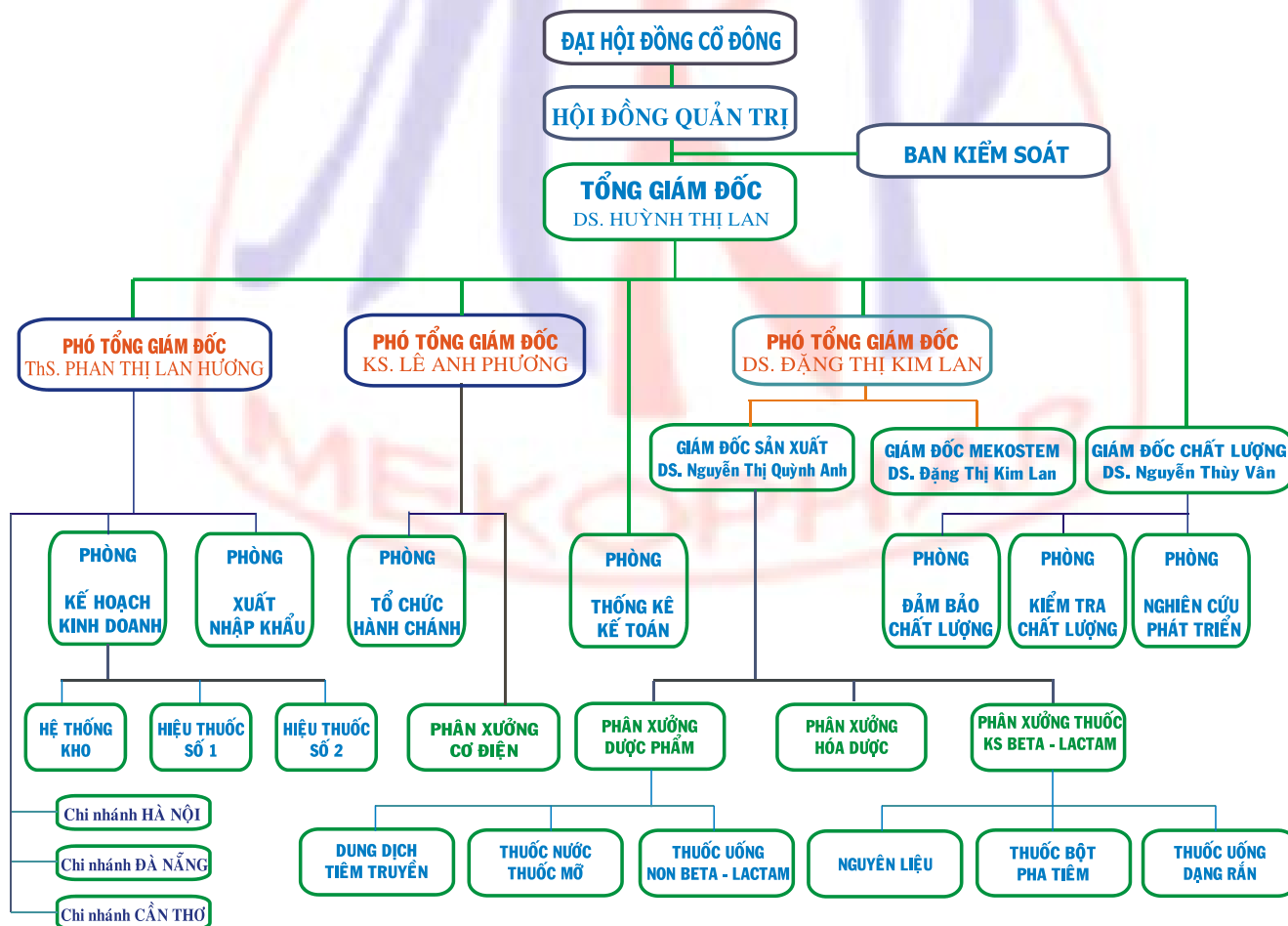
**Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc:

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách kế hoạch kinh doanh.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách tổ chức hành chính và Phân xưởng cơ điện.

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

**CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ**



**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm 12/12/2012:**

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SLCP SỞ HỮU	TỈ LỆ (%)
1	<b>TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM, đại diện bởi:</b>	Số138B Giảng Võ, Hà Nội	2.940.300	29,89%
a.	<i>Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh</i>		1.527.300	15,52%
b.	<i>Bà Phan Thị Lan Hương</i>		1.413.000	14,37%
2	<b>BÀ HUỲNH THỊ LAN</b>	Số 28/14 Cách Mạng Tháng Tám, Q.Tân Bình, TP.HCM	753.359	7,66%
3	<b>Công ty CP Ngoại Thương và Phát Triển Đầu tư</b>	Số 28 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	936.391	9,52%

**5. Hoạt động kinh doanh:**

**5.1 Các chủng loại sản phẩm, dịch vụ:**

- Về hình thức Công ty sản xuất 05 nhóm thuốc chính là: nhóm kháng sinh bột tiêm, nhóm dịch truyền, nhóm thuốc uống beta-lactam, nhóm thuốc uống non-beta-lactam, nhóm thuốc nước và thuốc mỡ.
- Về tính năng điều trị các loại thuốc do Công ty sản xuất chủ yếu là các loại thuốc kháng sinh, các loại thuốc hạ sốt và kháng viêm, các loại thuốc đặc trị và các loại thuốc bổ.

Bên cạnh đó, Công ty còn sản xuất nguyên liệu kháng sinh BetaLactam để phục vụ sản xuất thành phẩm của mình và cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp dược khác ở trong và ngoài nước.

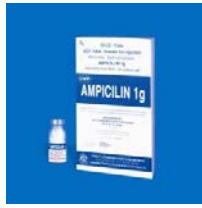
Sản phẩm của Công ty rất đa dạng, với trên 300 chủng loại sản phẩm khác nhau có chất lượng tốt, mẫu mã bao bì đẹp, giá cả hợp lý nên luôn nhận được sự tín nhiệm lựa chọn của khách hàng, đặc biệt là các bệnh viện trong cả nước.

- Về dịch vụ Công ty có Ngân hàng tế bào gốc Mekostem, chuyên cung cấp dịch vụ thu thập, xử lý, bảo quản và cung cấp tế bào gốc từ máu dây rốn và màng dây rốn.



## MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

### NHÓM KHÁNG SINH BỘT TIÊM:



AMPICILINE



AUGBACTAM



CEFOTAXIM



CEFTRIAOXON



PENICILIN G  
NATRI

### NHÓM DỊCH TRUYỀN:



GLUCOSE



LACTAT  
RINGER



MEKOAMIN



NATRI CLORID



SORBITOL

### NHÓM THUỐC UỐNG BÊTA-LACTAM:



AMOXYCILINE



AMPICILINE



CEFIXIM MPK



MEKOCEFAL



PENICILLIN V



MEKOCEFAFLOR



MEKOPEN



QUINCEF 125



CEPHALEXIN



MEKO  
CLOXACIN

### NHÓM THUỐC UỐNG NON-BÊTA LACTAM:



ACETYLCYSTEI  
N



AZIPHAR



LANTASIM



MEKO BC  
COMPLEX



MEKO MORIVITAL  
F





NHÓM THUỐC NƯỚC, MỨ:



5.2 Sản lượng sản xuất từng nhóm sản phẩm qua các năm:

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Thuốc tiêm	1.000 lọ	6.695	6.322	3.260
Dịch truyền	1.000 chai	5.763	6.282	6.782
Thuốc viên	1.000 viên	1.976.039	2.054.326	1.637.090
Thuốc cốm	1.000 gói	48.259	50.587	50.238
Thuốc nước	1.000 chai	1.400	1.462	1.521
Thuốc mỡ	1.000 tube	4.086	5.756	4.714
Nguyên liệu kháng sinh	1.000 kg	99	101	78
Nguyên liệu hóa dược	1.000 kg	43	20	20

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm năm gần nhất:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng tài sản	401.476.172	447.382.505	505.919.499	561.275.066	580.918.103
Doanh thu thuần	596.028.175	646.844.920	894.740.900	1.044.754.696	1.100.780.449
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	78.227.701	79.942.308	89.825.296	97.750.050	100.381.169
Lợi nhuận khác	1.955.718	975.835	2.732.266	3.173.918	2.011.263
Lợi nhuận trước thuế	80.183.419	80.918.143	92.557.562	100.923.968	102.392.432
Số thuế TNDN phải nộp	18.520.201	19.727.457	21.543.546	23.952.842	32.040.324
Lợi nhuận sau thuế	61.663.218	61.190.687	71.014.016	76.971.126	70.352.108
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	7.267	6.753	7.837	8.090	7.109
Tỷ lệ chi trả cổ tức	30%	30%	30%	25%	30%

## 7. Số lượng người lao động trong Công ty :

Cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Số CB.CNV	Tỷ trọng	Số CB.CNV	Tỷ trọng	Số CB.CNV	Tỷ trọng	Số CB.CNV	Tỷ trọng
Trên đại học	5	0,62%	6	0,70%	6	0,72%	9	1,07%
Đại học	142	17,55%	151	17,50%	154	18,46%	155	18,39%
Cao đẳng, trung học	153	18,91%	165	19,12%	147	17,63%	156	18,50%
Lao động phổ thông	509	62,92%	541	62,68%	527	63,19%	523	62,04%
<b>Tổng cộng</b>	<b>809</b>	<b>100,00%</b>	<b>863</b>	<b>100,00%</b>	<b>834</b>	<b>100,00%</b>	<b>843</b>	<b>100,00%</b>

### *Danh sách thành viên Ban tổng giám đốc:*

a. Tổng giám đốc

Bà **Huỳnh Thị Lan**: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

b. Phó Tổng giám đốc

Bà **Đặng Thị Kim Lan**

Ông **Lê Anh Phương**

Bà **Phan Thị Lan Hương**

### **III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2012 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2013**

### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

Trong năm 2012, Hội Đồng Quản Trị đã tập trung chỉ đạo, hỗ trợ hoạt động của Ban Điều Hành để thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2012 đã giao.

#### **1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2012 tình hình kinh tế bất ổn, lạm phát tăng cao đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Dược, tuy nhiên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 đã nói lên sự nỗ lực của HĐQT, Ban Điều Hành và tập thể CBNV công ty Mekophar. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, đảm bảo quyền lợi cổ đông, tạo việc làm ổn định và thu nhập ngày càng nâng cao cho người lao động.

Trên cơ sở chỉ đạo, giám sát và tạo điều kiện của Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành Công Ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar đã hoàn thành tốt nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2012 về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kế hoạch 2012</b>	<b>Thực hiện 2012</b>	<b>Tỉ lệ so KH %</b>
Tổng Doanh Thu	Triệu đồng	1050.000	1.100.780	104,8%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	100.000	102.392	102,4%
Cổ tức	%	20%	Dự kiến 30%	150%

#### **2. Thực hiện nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên:**

- Năm 2012 Hội Đồng quản Trị đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 30/3/2012
- Đại hội đã nhất trí tăng vốn điều lệ với phương án phát hành cổ phiếu :  
HĐQT đã thực hiện việc phân phối cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt:  
+ lượng cổ phiếu đã bán là 450.000 cổ phiếu với giá 20.000đ/cp.  
+ Vốn điều lệ đã tăng từ 101.159.320.000đ lên 105.659.320.000 đ.
- Công ty đã mua cổ phiếu quỹ theo phương thức chào mua công khai, số cổ phiếu đã mua là 128.495 cổ phiếu.
- Công ty đã xin hủy niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM. Lý do tự nguyện rời sàn là để tái cơ cấu vốn cổ đông nước ngoài cho phù hợp chức năng kinh doanh ngành nghề đăng ký thêm “bán buôn bán lẻ Dược Phẩm” .

Ngày hủy niêm yết có hiệu lực bắt đầu từ 12/07/2012.

### 3. Tình Hình Đầu Tư Tài Chính:

#### • Đầu tư ngắn hạn:

STT	TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TRỊ GIÁ (vnd)
1	Công Ty CP DPTW VIDIPHAR	144.000	3.800.000.000
2	Công Ty CP Bao Bì Dược	329.500	5.152.500.000
3	Công Ty CP DP OPC	10.230	203.101.100
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>483.730</b>	<b>9.155.601.100</b>

Cổ tức nhận được từ đầu tư ngắn hạn năm 2012 là 746.254.500 đồng

#### • Đầu tư dài hạn:

STT	TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TRỊ GIÁ (vnd)
1	Bệnh viện An Sinh	1.496.000	18.510.000.000
2	Công Ty CP Dược Phẩm Mekong	100.000	1.000.000.000
3	Quỹ đầu tư chứng khoán VN Tiger Fund	1.000.000	10.100.000.000
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>2.596.000</b>	<b>29.610.000.000</b>

## II. BÁO CÁO CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2012:

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar, Hội Đồng Quản Trị báo cáo chi phí hoạt động của HĐQT Công Ty như sau:

- Tổng doanh thu sản xuất chính: 711.311.596.598 Đồng
- Chi phí được trích ( 0,2%/ Doanh thu): 1.422.623.193 Đồng
- Số thực chi: 632.500.000 Đồng
- Chi phí thừa năm 2012 hoàn nhập: 790.123.193 Đồng

## III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013:

### 1- Các chỉ tiêu kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2013
Doanh thu	Triệu đồng	1.000.000
Lãi thực hiện (trước thuế)	Triệu đồng	90.000
Cổ tức	%	20%

### 2- Các hoạt động:

Năm 2013 được dự báo là một năm tiếp tục khó khăn của kinh tế Việt Nam, cũng như với ngành Dược và Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar.

Hội Đồng Quản Trị xác định chủ trương hướng hoạt động vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Thông qua các chủ trương, chính sách của công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Điều Hành hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013.
- Tập trung phát triển các mặt hàng mới, chủ lực và tiềm năng, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm bảo đảm thẩm mỹ đáp ứng yêu cầu cạnh tranh của thị trường.
- Tăng cường đầu tư kinh phí cho các hoạt động quảng cáo, thông tin thuốc đến y bác sĩ khám chữa bệnh và người sử dụng thuốc.
- Tập trung các giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao lợi nhuận, như xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với lãi suất và tỷ giá theo từng thời điểm, đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến, cải tiến qui trình công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí trong sản xuất ....
- Tích cực tìm kiếm đối tác tiềm năng để liên kết sản xuất kinh doanh các mặt hàng đòi hỏi công nghệ cao, các mặt hàng đặc trị.
- Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm sang các nước thuộc Châu Phi, Bắc Triều Tiên, Macau và các nước khác.
- Tiếp tục mở rộng hoạt động Ngân hàng Tế Bào Gốc (MekoStem) trên khắp lãnh thổ Việt Nam. Phát triển các mặt hàng Mỹ phẩm từ Tế Bào Gốc dây rốn .
- Đẩy mạnh việc hợp tác với các đơn vị khác để thực hiện việc ứng dụng Tế Bào Gốc mô mỡ trong điều trị.
- Tiếp tục xúc tiến các dự án về đất đai: Số 5 Ngô Thời Nhiệm, 192 Pasteur và 620 Kinh Dương Vương. Tìm kiếm đối tác tin cậy, có tiềm lực về tài chính để liên kết kinh doanh (thời gian qua các dự án đều tiến triển chậm do vướng các qui định về quy hoạch và chính sách của nhà nước).

#### **IV KẾT LUẬN :**

Với những định hướng trên, Hội Đồng Quản Trị chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Điều Hành công ty triển khai thực hiện.

Hội Đồng Quản Trị mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ của các cổ đông, các đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên công ty để có thể vượt qua những khó khăn, những thách thức, hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



*DS. Nguyễn Thị Lan*

## **IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:**

### **BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2013**

#### **I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2012:**

##### **1. Đặc điểm tình hình:**

- Thị trường thế giới không ổn định về giá cả nguyên liệu, doanh nghiệp Dược rất bị động vì giá tăng, thời gian giao hàng bị hoãn liên tục. Một số nguyên liệu tăng giá mạnh ảnh hưởng đến giá thành phẩm như Rifampicin, Mebendazol, Lincomycin, Metronidazol, Ofloxacin, Tetracyclin, Chloroquin phosphat, Artesunat ...
- Do nhiều nguyên nhân, các hãng tàu nâng tất cả các loại phí vận chuyển và dịch vụ nên giá thành nguyên liệu nhập khẩu tăng cao.
- Việc đăng ký sản phẩm xuất khẩu mất nhiều thời gian hơn do yêu cầu cung cấp nhiều hồ sơ kỹ thuật hơn.
- Giá xăng dầu, điện nước biến động liên tục, giá thuê đất tăng cao khiến chi phí sản xuất tăng theo, gây khó khăn cho doanh nghiệp.
- Với cơ chế thị trường và hội nhập hiện nay, tính chất cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các doanh nghiệp Dược, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực đấu thầu, cung ứng thuốc.
- Sản lượng nguyên liệu kháng sinh Beta Lactam do công ty sản xuất giảm nhiều do không cạnh tranh được về giá với nguyên liệu ngoại nhập. Việc sản xuất thuốc thành phẩm Ampicillin và Amoxicillin cũng giảm sút nhiều do sự cạnh tranh về giá.
- Công ty đã gặp nhiều khó khăn trong công tác đấu thầu thuốc vào các bệnh viện do những qui chế đấu thầu thuốc chưa phù hợp với tình hình thực tế.

##### **2. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kế hoạch 2012</b>	<b>Thực hiện 2012</b>	<b>Tỉ lệ so KH</b>
Doanh thu sản xuất	Triệu đồng	1.050.000	1.100.780	104,8%
Kim ngạch XK	1.000 USD	5.000	5.410	108,2%
Kim ngạch NK	1.000 USD	16.500	12.701	76,98%
Nộp ngân sách	Triệu đồng	52.000	54.155	104,1%
Lãi thực hiện	Triệu đồng	100.000	102.392	102,4%

##### **3. Công tác đầu tư phát triển:**

Năm 2012 công ty tiếp tục đầu tư:

- Mua thêm thiết bị, máy móc cho các dây chuyền sản xuất, phòng Kiểm Tra Chất Lượng với tổng số tiền: 8.675.678.816 vnd
- Máy móc thiết bị khác: 4.678.598.046 vnd
- Đầu tư phương tiện vận tải: 2.629.544.545 vnd

- Bổ sung giá trị nhà xưởng : 5.345.168.952 vnd
- Quyền Sử Dụng Đất chi nhánh Đà Nẵng : 2.800.000.000 vnd
- Tổng số tiền đầu tư là: 24.128.990.359 vnd

#### **4. Công tác khoa học công nghệ:**

##### **\* Nghiên Cứu Mặt Hàng Mới:**

Phòng Nghiên cứu phát triển đã tập trung nghiên cứu các mặt hàng mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

TỔNG CỘNG: 92 mặt hàng gồm:

- 25 mặt hàng đang tiến hành nghiên cứu và hoàn tất hồ sơ.
- 41 mặt hàng đang đợi cấp số đăng ký.
- 16 mặt hàng Tân dược có số đăng ký và 09 mặt hàng Thực Phẩm Chức Năng có số công bố.

##### **\* Ứng Dụng Công Nghệ Thông Tin:**

- Năm 2012 công ty tiếp tục hoàn thiện và bảo trì hệ thống mạng nội bộ hoạt động ổn định.
- Đã kết nối và quản lý, hỗ trợ trực tiếp đến Chi Nhánh Hà Nội, Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Cần Thơ, PX Hóa Dược, Hiệu thuốc số 1-Q10, Hiệu Thuốc số 2- Q11.
- Tiếp tục thực hiện việc triển khai ứng dụng phần mềm quản lý tổng thể doanh nghiệp (ERP).

##### **\* Triển Khai Áp Dụng GMP, GLP, GSP:**

- Năm 2012 tiếp tục triển khai áp dụng các tiêu chuẩn GMP WHO cho tất cả các dây chuyền sản xuất đã được xét công nhận vào năm 2010 : Dịch Truyền, Kháng sinh bột tiêm nhóm Penicillin, Kháng sinh bột tiêm nhóm Cephalosporin, Thuốc uống Non Beta Lactam, Thuốc uống Beta Lactam, Thuốc mỡ, Thuốc Nước, Thuốc uống men vi sinh .
- Xây dựng mới dây chuyền thuốc nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP WHO, đang chuẩn bị hồ sơ xin Cục Quản Lý Dược xét công nhận.

##### **\* Sở Hữu Công Nghiệp :**

- Tổng số sản phẩm hiện đơn vị có số đăng ký sản xuất: 371 sản phẩm.
- Tổng số sản phẩm đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: 219 sản phẩm.

#### **5. Công tác tổ chức lao động tiền lương:**

- Tổng số CBCNV: 843 ( Nam: 398, Nữ: 445)
- Tổng số Cán bộ Đại học & Trên Đại Học: 162 (trong đó có 57 Dược sĩ đại học)
- Tổng số Cán bộ trung cấp: 145 (trong đó có 78 Dược sĩ trung cấp)
- Công nhân kỹ thuật: 250
- Thu nhập bình quân: 7.920.738 đồng/tháng/người

#### **6. Công tác phát triển Thị trường:**

##### **\* Thị trường trong nước:**

- Mở rộng thị trường đến các Bệnh viện Thành Phố và các Tỉnh, Miền núi, Vùng sâu, vùng xa.
- Phát triển đội ngũ Trình Dược Viên để cung ứng thuốc đến các Bệnh viện và Nhà Thuốc tư nhân.

\* Thị trường ngoài nước :

- Mekophar đã xuất được sản phẩm sang một số thị trường mới như Mông Cổ, Bắc Triều Tiên, Macau, Hồng Kông.
- Các khách hàng truyền thống như Nigeria, Moldova, Papua New Guinee cũng ổn định do đã quen với thương hiệu Mekophar.
- Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu thuộc nhóm: Thuốc kháng sinh, thuốc trị sốt rét, các loại vitamin, giảm đau, hạ sốt .....

**7. Tình hình hoạt động của ngân hàng Tế Bào Gốc MekoStem :**

- Tổng số khách hàng gửi mẫu trong năm 2012: 458
- Năm 2012 đã tổ chức hội nghị về Tế Bào Gốc Thực Vật vào tháng 2/2012
- Thường xuyên tổ chức thực hiện báo cáo khoa học, tập huấn tại các Bệnh viện ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh .
- Tham dự Hội Nghị thường niên của APCBBC (Asia Pacific Cord Blood Bank Consortium) tại Ai Cập vào tháng 10/2012.
- Thực hiện đề tài Mỹ Phẩm, hoàn tất giai đoạn nghiên cứu, đóng gói và đã gửi sản phẩm ra Viện Da liễu Hà Nội thử nghiệm lâm sàng (đang chờ báo cáo chính thức về kết quả), hoàn tất nghiệm thu đợt 1, dự kiến nghiệm thu hoàn tất vào 5/2013.

**8. Hoạt Động Xã Hội :**

Công ty luôn quan tâm đến công tác xã hội:

- Tổ chức ngày Hội hiến máu nhân đạo có 160 CNVC hưởng ứng, 107 người tham gia hiến 141 đơn vị máu.
- Tặng quà cho 403 thiếu nhi con em CNVCLĐ nhân dịp 1/6.
- Tặng quà cho các cháu học sinh giỏi và tổ chức 14 cháu đi nghỉ trại hè Thanh Đa.
- Tặng học bổng MEKOPHAR cho 16 cháu.
- Tặng quà cho CNVCLĐ là quân nhân xuất ngũ nhân dịp 22/12 và tặng quà cho sư đoàn 5.
- Hỗ trợ công tác từ thiện xã hội.
- Hỗ trợ tết Nguyên Đán cho CB ngành y tế hưu trí.
- Thăm tặng quà cho trẻ mồ côi tại chùa Từ Ân và chùa Diệu Giác.
- Hỗ trợ quỹ Vì người nghèo LĐLĐ TP. HCM.
- Tặng quà Trung thu cho các cháu thiếu nhi tại phường 15 quận 11.
- Giúp quỹ vì tấm lưới nghĩa tình, nhắn tin ủng hộ quỹ vì Trường Sa.
- Hỗ trợ các chương trình khám chữa bệnh cho đồng bào nghèo, gia đình chính sách các tỉnh và các chương trình từ thiện khác.

Tổng số tiền đã chi cho công tác xã hội năm 2012 là: 1,5 tỉ đồng



## II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2013:

### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013
Doanh thu sản xuất	Triệu đồng	1.000.000
Kim ngạch XK	1.000 USD	5.000
Kim ngạch NK	1.000 USD	12.000
Nộp ngân sách	Triệu đồng	52.000
Lãi thực hiện (trước thuế)	Triệu đồng	90.000

### 2. Công tác đầu tư phát triển:

- Chuẩn bị hồ sơ đăng ký dây chuyền thuốc nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP WHO.
- Đầu tư thêm thiết bị máy móc cho dây chuyền thuốc nhỏ mắt, các dây chuyền sản xuất khác và phòng kiểm tra chất lượng.
- Xây dựng mới dây chuyền sản xuất Đông Dược đạt tiêu chuẩn GMP WHO.
- Nâng cấp hệ thống kho tàng, xây dựng kho Đông Dược đạt tiêu chuẩn GSP.

### 3. Công tác Khoa Học Công Nghệ:

\* Tiếp tục nghiên cứu mặt hàng mới gồm 34 mặt hàng:

- Thuốc viên: 8
- Thuốc kháng sinh bột tiêm: 4
- Thuốc bột uống: 1
- Dung Dịch Tiêm Truyền: 4
- Thuốc Nhỏ Mắt: 17

\* Triển khai có hiệu quả các mặt hàng mới đã có số đăng ký.

### 4. Công tác tài chính kế toán:

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế tài chính theo đúng luật định.
- Tăng vòng quay vốn, rút ngắn thời gian thu hồi nợ, giảm tối đa tỷ lệ nợ khó đòi dự trữ hàng tồn kho hợp lý.
- Hiện đại hóa công tác kế toán.

### 5. Công tác phát triển Thị trường:

- Công ty xác định thị trường nội địa là chủ yếu nên có kế hoạch tăng thị phần của thị trường nội địa ở các tỉnh.
- Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu thuốc đi các nước, nhất là thị trường Nigeria, Nga, Bắc Triều Tiên.
- Tiếp tục chào giá và gửi mẫu sản phẩm đi các nước để gia tăng thị trường xuất khẩu.
- Phát triển mặt hàng Đông Dược, Thực Phẩm Chức Năng.

## **6. Ngân hàng tế bào gốc MekoStem:**

- Mở rộng việc hợp tác và tổ chức báo cáo khoa học cho các bệnh viện trong cả nước về đề tài tế bào gốc và ngân hàng Tế Bào Gốc.
- Đẩy mạnh *marketing* để đưa được thông tin của ngân hàng đến khách hàng.
- Tiếp tục mở rộng và đầu tư thêm trang thiết bị cho ngân hàng tế bào gốc.
- Thành lập phòng R&D, trang bị thêm 1 số thiết bị như tủ thao tác, tủ nuôi cấy tế bào, tủ lạnh chứa môi trường, tank nhỏ chứa mẫu, kính hiển vi đảo ngược.. dự kiến khoảng 650 triệu đồng.
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh dịch vụ lưu giữ TBG máu, mô dây rốn dự kiến phân đầu số lượng khách hàng đạt 650. Tập trung xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện đáp ứng để đăng ký lấy chứng nhận của AABB (American Association of Blood Banks).
- Hoàn tất đề tài mỹ phẩm, đăng ký bản quyền và lưu hành sản phẩm.
- Mở rộng lưu giữ các TBG khác (bước đầu xây dựng mô hình quảng cáo, hợp đồng dịch vụ cho dịch vụ lưu trữ tế bào gốc mô mỡ)
- Chú ý vào việc nghiên cứu, đẩy mạnh việc hợp tác với các đơn vị khác như Bệnh Viện Trung Vương, Công ty Goldengrowth, Geneworld .... để thực hiện việc ứng dụng TBG mô mỡ trong điều trị thoái hóa khớp, vết loét bàn chân bệnh nhân tiểu đường.
- Tổ chức hội nghị thường niên của APCBBC (Asia Pacific Cord Blood Bank Consortium) và hội nghị khoa học lần 3 tại Đà Nẵng dự kiến vào 16/10/2013.
- Dự kiến phát triển chi nhánh Đà Nẵng, khu vực đang cho thấy tiềm năng lớn.

## **III KẾT LUẬN:**

Trong năm 2012, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên công ty Mekophar đã cố gắng nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn để thực hiện kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất đã không đạt như mong muốn do tình hình kinh tế suy thoái chung của cả nước và sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường.

Năm 2013 trước mắt sẽ có nhiều khó khăn hơn năm 2012, ban lãnh đạo và toàn thể CBVC mong muốn các cấp lãnh đạo tiếp tục hỗ trợ công ty Mekophar, tạo điều kiện để công ty ngày càng phát triển, giữ vững uy tín thương hiệu Mekophar trên thị trường Dược phẩm trong nước và ngoài nước.


  
**Tổng Giám đốc**
  

  
**DS. Huỳnh Thị Lan**

## V. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT:

### BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC PHẨM MEKOPHAR

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**

Công ty cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp dược phẩm TW 24 theo quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 19/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0302533156 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2002, giấy phép đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/12/2012.

Tính đến ngày 31/12/2012 vốn điều lệ của Công ty là 101.159.320.000đ tương đương với 10.115.932 cổ phần trong đó:

- Cổ phần do Nhà nước nắm giữ : 29.403.000.000đ (2.940.300 cổ phần) chiếm tỷ lệ 29%.
- Các nhà đầu tư khác nắm giữ : 71.756.320.000đ (7.175.632 cổ phần) chiếm tỷ lệ 71%.

Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán số 0512350/AISC-DN4 ngày 10/03/2013 “Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar” do Công ty TTNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC) thực hiện. Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin được báo cáo như sau:

#### Phần I: Tình hình chung của công ty năm 2011- 2012:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	2011	2012	%
Doanh thu thuần	1.044.755	1.100.780	105,36%
Lợi nhuận trước thuế	100.924	102.392	101,45%
Nộp NSNN	50.707	54.155	106,80%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 so với năm 2011 cho thấy: Năm 2012, bằng nỗ lực của chính mình Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar đã đạt tốc độ tăng trưởng trên cả ba chỉ tiêu là doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế và nộp Ngân sách nhà nước. Đây là một cố gắng lớn của Công ty bằng việc đề ra những nghị quyết phù hợp với thực tế của HĐQT, sự chỉ đạo trực tiếp của Ban điều hành và sự làm việc hết mình của tập thể người lao động trong suốt một năm hoạt động.

#### Phần II. Việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT:

Phương hướng hoạt động của HĐQT và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thống nhất thông qua Nghị quyết về kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và xây dựng. Trong quá trình hoạt động, căn cứ vào nghị quyết của ĐHĐ cổ đông thường niên, bằng những quyết định đúng đắn, HĐQT đã ra các nghị quyết đáp ứng kịp thời yêu cầu của sản xuất kinh doanh, đầu tư và xây dựng...nên đã hoàn thành tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1/.Hoạt động sản xuất kinh doanh:

\*. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2012:

- Doanh thu: 1.050 tỷ đồng.
- Lãi thực hiện( trước thuế): 100 tỷ đồng.
- Cổ tức: 20%

Bằng sự nỗ lực phấn đấu của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và tập thể người lao động, năm 2012 Công ty cổ phần Hóa- Dược phẩm Mekophar thực tế đã đạt được kết quả:

- Doanh thu thuần: 1.100 tỷ đồng, tăng so với kế hoạch 4,8%
- Lợi nhuận trước thuế: 102 tỷ đồng, tăng so với kế hoạch 2,4%
- Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến : 30% trên vốn điều lệ tăng so với kế hoạch 50%.

2/. Tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa: Công ty đẩy mạnh việc phát triển hệ thống phân phối bán lẻ, đưa sản phẩm có chất lượng tốt đến tay người tiêu dùng với giá cả hợp lý.

3/. Tiết kiệm: Thực hiện tốt các giải pháp hữu hiệu như: xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp theo từng thời điểm, đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến, cải tiến quy trình công nghệ, tăng năng suất lao động, thực hiện tốt định mức nguyên, nhiên, vật liệu...trong sản xuất để tiết kiệm chi phí nhằm góp phần tăng lợi nhuận.

### Phần III. Kết luận

Báo cáo tài chính năm 2012 đã phản ánh hợp lý và trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Về việc chấp hành luật kế toán: Công ty đã mở đầy đủ hệ thống sổ sách kế toán để theo dõi toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Căn cứ vào những quyết định, thông tư hướng dẫn công tác hạch toán kế toán của Bộ Tài chính, phòng Tài chính kế toán đã kịp thời điều chỉnh công tác hạch toán của công ty cho phù hợp với chế độ kế toán của nhà nước.

Về việc chấp hành các luật thuế: Công ty đã nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ, kịp thời việc nộp thuế theo thông báo của cơ quan thuế.

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động năm 2012 của Công ty, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.

Ban kiểm soát kính Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 thành công tốt đẹp./.

TP. HCM ngày 28 tháng 3 năm 2013

### Ban kiểm soát công ty

Trưởng ban



CN. Trần thị Yến

Ủy viên



CN. Trần thị Hà Thanh

Ủy viên



DS. Trần trung Ngôn

**VI. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG:**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
 Auditing & Informatic Services Company Limited  
**Office:** 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
**Tel:** (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281  
**Email:** aisc@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 0512350/AISC-DN4

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012  
 CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR.**

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.  
 Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar.**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 21 tháng 01 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC PHẨM MEKOPHAR từ trang 01 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC PHẨM MEKOPHAR tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2013**

KIỂM TOÁN VIÊN  
  
**Nguyễn Thị Thanh Huyền**

KT TỔNG GIÁM ĐỐC  
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
  
**Đặng Ngọc Tú**

Số chứng chỉ KTV: 1176/KTV  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV  
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>		<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>442.777.185.964</b>	<b>428.033.687.788</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>54.333.874.317</b>	<b>14.201.761.724</b>
	1. Tiền	111		54.333.874.317	14.201.761.724
	2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>9.155.601.100</b>	<b>9.155.601.100</b>
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.155.601.100	9.155.601.100
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>122.185.925.498</b>	<b>135.215.160.681</b>
	1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	114.461.653.658	129.921.398.509
	2. Trả trước cho người bán	132	V.3	7.146.395.500	3.843.012.122
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
	5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	577.876.340	1.450.750.050
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>249.919.718.858</b>	<b>257.063.578.523</b>
	1. Hàng tồn kho	141		249.919.718.858	257.063.578.523
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.182.066.191</b>	<b>12.397.585.760</b>
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	220.500.000	-
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.7	5.774.353.294	11.133.713.805
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	728.811.371	728.811.371
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
	5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	458.401.526	535.060.584

<b>TÀI SẢN</b>		<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>138.140.916.895</b>	<b>133.241.378.218</b>
	(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
	2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
	3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
	4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>113.712.916.895</b>	<b>108.741.378.218</b>
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	v.10	82.764.361.677	77.414.102.109
	- Nguyên giá	222		203.395.601.533	183.883.368.657
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.631.239.856)	(106.469.266.548)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
	3. Tài sản cố định vô hình	227	v.11	29.580.358.937	30.175.876.109
	- Nguyên giá	228		33.795.342.684	33.536.742.684
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.214.983.747)	(3.360.866.575)
	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	v.12	1.368.196.281	1.151.400.000
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	v.13	<b>24.182.000.000</b>	<b>24.182.000.000</b>
	1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19.510.000.000	19.510.000.000
	3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.100.000.000	10.100.000.000
	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5.428.000.000)	(5.428.000.000)
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>246.000.000</b>	<b>318.000.000</b>
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	v.14	246.000.000	318.000.000
	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>580.918.102.859</b>	<b>561.275.066.006</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>148.850.519.547</b>	<b>151.831.628.953</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>128.166.187.407</b>	<b>132.861.735.681</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312	v.15	35.375.199.920	51.049.197.599
3. Người mua trả tiền trước	313	v.15	8.560.700.229	3.197.388.725
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	v.16	20.690.419.201	12.752.183.489
5. Phải trả người lao động	315		6.379.438.013	10.596.193.016
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	v.17	27.473.030.825	22.880.643.846
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		29.687.399.219	32.386.129.006
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.684.332.140</b>	<b>18.969.893.272</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	273.782.149
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	v.18	16.000.000.000	16.000.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.684.332.140	2.696.111.123
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-



NGUỒN VỐN		Mã số	T M	31/12/2012	01/01/2012
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>432.067.583.312</b>	<b>409.443.437.053</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>431.767.583.312</b>	<b>408.225.817.653</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		101.159.320.000	101.159.320.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		108.706.704.458	108.706.704.458
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(14.487.151.158)	(8.160.533.158)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(159.408.412)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		226.272.778.012	196.630.318.232
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		10.115.932.000	10.049.416.533
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>300.000.000</b>	<b>1.217.619.400</b>
1.	Nguồn kinh phí	432	V.20	300.000.000	1.217.619.400
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>580.918.102.859</b>	<b>561.275.066.006</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	TM	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
USD		1,206,848.78	19,363.73
EUR		449.59	460.51

Kế toán trưởng

CN. Lê Thị Thúy Hằng

TP. HCM ngày 21 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



ĐS. Huỳnh Thị Lan

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.101.203.241.528	1.045.360.813.765
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	422.792.859	606.116.965
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.3</b>	<b>1.100.780.448.669</b>	<b>1.044.754.696.800</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	887.727.759.080	848.524.854.090
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>213.052.689.589</b>	<b>196.229.842.710</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.317.822.736	7.537.660.346
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	1.687.200.940	6.164.333.903
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>459.115.106</i>	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	52.777.199.362	44.794.724.699
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	59.524.942.720	55.058.394.293
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>100.381.169.303</b>	<b>97.750.050.161</b>
11. Thu nhập khác	31	V.9	4.553.881.899	3.389.282.931
12. Chi phí khác	32	V.10	2.542.618.203	215.364.405
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.011.263.696</b>	<b>3.173.918.526</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>102.392.432.999</b>	<b>100.923.968.687</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.11	32.040.324.967	23.952.842.062
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>70.352.108.032</b>	<b>76.971.126.625</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V.13</b>	<b>7.109</b>	<b>8.090</b>

TP.HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

CN. Lê Thị Thúy Hằng

Tổng Giám đốc

ĐS. Huỳnh Thị Lan



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>102.392.432.999</b>	<b>100.923.968.687</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản :</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		16.832.847.963	15.959.040.909
- Các khoản dự phòng	03		-	2.628.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.286.874.296)	(6.142.759.457)
- Chi phí lãi vay	06		459.115.106	403.183.752
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>118.397.521.772</b>	<b>113.771.433.891</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		18.185.929.152	(18.419.820.886)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		7.143.859.665	(48.918.164.567)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(13.132.140.924)	23.889.946.141
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(148.500.000)	(93.484.327)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(459.115.106)	(403.183.752)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(23.726.964.162)	(20.658.493.501)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		34.784.234.543	47.563.701.704
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(49.632.275.415)	(65.993.346.992)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>91.412.549.525</b>	<b>30.738.587.71</b>

**II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(24.345.786.640)	(19.027.761.383)
2.	Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.858.009.092	487.155.291
3.	Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-	-
6.	Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	970.265.204	5.655.604.166
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(20.517.512.344)</b>	<b>(12.885.001.926)</b>

**III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(6.326.618.000)	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.528.016.575	13.551.127.410
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(26.528.016.575)	(13.551.127.410)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.595.715.000)	(30.761.479.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(30.922.333.000)</b>	<b>(30.761.479.000)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>39.972.704.181</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>14.201.761.724</b>	<b>27.109.654.939</b>
	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	159.408.412	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>54.333.874.317</b>	<b>14.201.761.724</b>

Kế toán trưởng

CN. Lê Thị Thúy Hằng

TP. HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2013



Tổng Giám đốc

DS. Huỳnh Thị Lan

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR.**

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Đơn vị tính: Đồng  
Việt Nam

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2002, Số ĐKKD: 4103000833 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15 tháng 12 năm 2012. Theo giấy phép đăng ký thay đổi lần thứ 12, vốn điều lệ 101.159.320.000 đồng.

Tên tiếng Anh: Mekophar Chemical Pharmaceutical Joint Stock Company

Tên viết tắt: Mekophar

Trụ sở chính: 297/5 Lý thường Kiệt, Quận 11, Tp.HCM.

**Công ty có các chi nhánh như sau:**

Chi nhánh tại Hà Nội: 95 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội.

Chi nhánh tại Đà Nẵng: 70 Phạm Văn Nghị, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng.

Chi nhánh tại Cần Thơ: 17A Cách Mạng Tháng 8, Quận Bình Thủy, tp. Cần Thơ.

**2. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.

**3. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại.

**4. Ngành nghề kinh doanh:**

**Hoạt động chính của Công ty:** Sản xuất thuốc. Bán buôn thuốc. Bán buôn nước hoa. Hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn dụng cụ y tế. Dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc. Bán lẻ thuốc. Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược (chai nhựa, hộp giấy, thùng carton). Sản xuất hàng thực phẩm công nghệ ( trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống). Bán buôn thực phẩm chức năng; thực phẩm công nghệ chế biến. Sản xuất mỹ phẩm (không sản xuất hóa chất cơ bản, xà phòng, chất tẩy rửa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản; dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng; cho thuê căn hộ. Bán buôn hàng may mặc. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai. Bán buôn đồ uống. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh. Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính, pháp lý). Tư vấn chuyển giao công nghệ. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản).

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có.

**6. Tổng số nhân viên:** Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012: 843 nhân viên.  
(Ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 828 nhân viên)

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

### III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ("Thông tư 179") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012, áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ("Thông tư 180") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Công ty đã áp dụng Thông tư 179, Thông tư 180 và thực hiện theo hướng dẫn của các Thông tư này cho năm hiện hành.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Công ty không lập dự phòng phải thu vì trong năm công ty không phát sinh các khoản phải thu khó đòi.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

##### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Tài sản cố định hữu hình tăng trong kỳ bao gồm mua sắm và đầu tư XD/CB hoàn thành*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

##### 5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Tài sản cố định vô hình tăng trong kỳ là do mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### 5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	25 năm
Bản quyền sử dụng tế bào gốc	3 năm

## 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định.

## 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:** được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: cổ phiếu... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

### Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

## 8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

## 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

**Chi phí trả trước ngắn hạn tại công ty:** là chi phí lưu trữ của ngân hàng tế bào gốc. Chi phí này được phân bổ theo số lượng mẫu tế bào lưu trữ trong kỳ.

## 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả của Công ty là khoản Ban Tổng Giám đốc dự phòng để chi cho các công trình nghiên cứu khoa học. Giá trị dự phòng tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh từng năm của Công ty.

## 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

### Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.



### **Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.**

**Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

### **Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.**

Chênh lệch tỷ giá được phản ánh là số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá).

### **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

## **12. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

## **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái...)

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính của Công ty là chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ. Khoản chi phí này được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 là: 25%

**16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính:

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch theo tỷ giá ngân hàng Ngoại Thương công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2012: 20.800 VNĐ/USD; 27.301 VNĐ/EUR.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trọng yếu trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 179 như sau:

<b>Nghiệp vụ</b>	<b>Xử lý kế toán theo Thông tư 179</b>	<b>Xử lý kế toán theo VAS 10</b>
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngoại trừ các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ).	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.
Số dư cuối kỳ của các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ	Không thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.	Thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.

Không có ảnh hưởng trọng yếu do sự khác biệt áp dụng Thông tư 179 so với Chuẩn mực kế toán số 10 đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## 17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

### 1. Nguyên tắc ghi nhận thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

### 2. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận.

Các bộ phận cần lập báo cáo: là một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên định nghĩa sau:

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:** Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan đến bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác. Một lĩnh vực kinh doanh không bao gồm các sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể. Có những điểm không tương đồng với một hoặc vài nhân tố trong định nghĩa bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nhưng các sản phẩm, dịch vụ trong một lĩnh vực kinh doanh phải tương đồng phần lớn nhân tố.

**Bộ phận theo khu vực địa lý:** Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Một khu vực địa lý không bao gồm các hoạt động trong môi trường kinh tế có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể. Một khu vực địa lý có thể là một quốc gia, hai hay nhiều quốc gia hoặc một, hai hay nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước.

## 18. Công cụ tài chính:

### Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và phải trả người bán.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ**  
**V. TOÁN**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>		
<b>Tiền</b>	<b>54.333.874.317</b>	<b>14.201.761.724</b>		
Tiền mặt	2.281.281.263	1.819.716.487		
Tiền gửi ngân hàng	52.052.593.054	12.382.045.237		
VND	26.937.864.171	12.353.244.927		
Ngoại tệ	25.114.728.883	28.800.310		
<b>Cộng</b>	<b>54.333.874.317</b>	<b>14.201.761.724</b>		
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>		
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Chứng khoán đầu tư		9.155.601.100		9.155.601.100
<i>Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHAR</i>	144.000	3.800.000.000	144.000	3.800.000.000
<i>Công ty CP Bao bì Dược</i>	329.500	5.152.500.000	329.500	5.152.500.000
<i>Công ty CP Dược Phẩm OPC</i>	10.230	203.101.100	10.230	203.101.100
<b>Cộng</b>	<b>483.730</b>	<b>9.155.601.100</b>	<b>483.730</b>	<b>9.155.601.100</b>
<b>3. Phải thu của khách hàng</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>		
Khách hàng trong nước	110.156.229.806	114.497.709.283		
Khách hàng nước ngoài	4.305.423.852	15.423.689.226		
<b>Cộng</b>	<b>114.461.653.658</b>	<b>129.921.398.509</b>		
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>		
Nhà cung cấp trong nước	2.557.768.555	1.558.346.880		
Nhà cung cấp nước ngoài	4.588.626.945	2.284.665.242		
<b>Cộng</b>	<b>7.146.395.500</b>	<b>3.843.012.122</b>		
<b>4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>		
Phải thu khác				
<i>BH Y tế, BH xã hội, kinh phí công đoàn</i>	280.917.050	184.169.556		
<i>Chi phí thẩm định khu đất Ngô Thời Nhiệm</i>	270.682.283	270.682.283		
<i>Thu khác</i>	26.277.007	995.898.211		
<b>Cộng</b>	<b>577.876.340</b>	<b>1.450.750.050</b>		

5. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
Nguyên liệu, vật liệu	142.673.585.068	150.431.810.969
Công cụ, dụng cụ	1.509.495.225	967.793.248
Chi phí SX, KD dở dang	31.298.043.292	33.555.795.726
Thành phẩm	74.329.764.355	71.863.399.040
Hàng hoá	108.830.918	244.779.540
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>249.919.718.858</b>	<b>257.063.578.523</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>249.919.718.858</b>	<b>257.063.578.523</b>

\* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có.

\* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có.

\* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	220.500.000	
<b>Cộng</b>	<b>220.500.000</b>	<b>-</b>
7. Thuế GTGT được khấu trừ	31/12/2012	01/01/2012
Thuế GTGT được khấu trừ	5.461.274.972	10.564.348.755
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	313.078.322	569.365.050
<b>Cộng</b>	<b>5.774.353.294</b>	<b>11.133.713.805</b>
8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	31/12/2012	01/01/2012
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa Nhà nước	728.811.371	728.811.371
<b>Cộng</b>	<b>728.811.371</b>	<b>728.811.371</b>
9. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Tạm ứng	321.921.526	119.254.984
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	391.269.600
Chi sự nghiệp	136.480.000	24.536.000
<b>Cộng</b>	<b>458.401.526</b>	<b>535.060.584</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Xem Bảng thuyết minh chi tiết đính kèm ở trang 33.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>31.273.231.684</b>	<b>2.263.511.000</b>	<b>33.536.742.684</b>
<i>Mua trong năm</i>	2.800.000.000	-	2.800.000.000
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	2.541.400.000		2.541.400.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>31.531.831.684</b>	<b>2.263.511.000</b>	<b>33.795.342.684</b>

**Giá trị hao mòn lũy kế**

<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.748.866.575</b>	<b>1.612.000.000</b>	<b>3.360.866.575</b>
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>528.361.668</i>	<i>325.755.504</i>	<i>854.117.172</i>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.277.228.243</b>	<b>1.937.755.504</b>	<b>4.214.983.747</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	29.524.365.109	651.511.000	30.175.876.109
Số dư cuối kỳ	29.254.603.441	325.755.496	29.580.358.937

Tài sản cố định vô hình giảm trong kỳ là thanh lý QSDD số AB 143568 Nguyễn Tất Thành, Tp Đà Nẵng.

<b>12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Chi phí phần mềm kế toán dở dang	1.239.747.000	1.151.400.000
Chi phí phần mềm quản lý nhân sự	48.889.942	
Chi phí thiết kế nhà chi nhánh Đà Nẵng	27.272.730	
Chi phí HT điện dây chuyên thuốc nhỏ mắt	52.286.609	
<b>Cộng</b>	<b>1.368.196.281</b>	<b>1.151.400.000</b>

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào cty liên kết</b>	<b>1.596.000</b>	<b>19.510.000.000</b>	<b>1.596.000</b>	<b>19.510.000.000</b>
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An Sinh - Tỷ lệ vốn góp 22%	1.496.000	18.510.000.000	1.496.000	18.510.000.000
Công ty CP Dược phẩm Mekong - Tỷ lệ vốn góp 22%	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>1.000.000</b>	<b>10.100.000.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>10.100.000.000</b>
Quỹ Đầu tư Chứng khoán VN Tiger Fund - Tỷ lệ vốn góp 2%	1.000.000	10.100.000.000	1.000.000	10.100.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)</b>		<b>(5.428.000.000)</b>		<b>(5.428.000.000)</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.596.000</b>	<b>24.182.000.000</b>	<b>2.596.000</b>	<b>24.182.000.000</b>

(\*): Dự phòng giảm giá Quỹ Đầu tư chứng khoán Tiger Fund.

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn (các khoản đầu tư vào Công ty liên kết) vì khoản này công ty đầu tư mục tiêu dài hạn, tham gia vào ban quản trị, cổ đông chiến lược. Và các khoản đầu tư này không bị giảm sút giá trị do các Công ty được đầu tư đều hoạt động có lãi.

<b>14. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>246.000.000</b>	<b>318.000.000</b>
Chi phí xây dựng cửa hàng Q11	246.000.000	318.000.000
<b>Cộng</b>	<b>246.000.000</b>	<b>318.000.000</b>

<b>15. Phải trả người bán</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	
Nhà cung cấp trong nước	31.605.684.942	50.022.745.979	
Nhà cung cấp nước ngoài	3.769.514.978	1.026.451.620	
<b>Cộng</b>	<b>35.375.199.920</b>	<b>51.049.197.599</b>	
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	
Khách hàng trong nước	6.002.931.674	1.639.041.845	
Khách hàng nước ngoài	2.557.768.555	1.558.346.880	
<b>Cộng</b>	<b>8.560.700.229</b>	<b>3.197.388.725</b>	
<b>16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	313.078.322	569.365.050	
Thuế xuất, nhập khẩu	188.384.753	92.240.018	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.060.059.642	11.746.698.837	
Thuế thu nhập cá nhân	128.896.484	343.879.584	
<b>Cộng</b>	<b>20.690.419.201</b>	<b>12.752.183.489</b>	
<b>17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	
BH Y tế, BH xã hội, kinh phí công đoàn	454.992.548	404.121.032	
Kinh phí đề tài Mekosten	177.595.069	177.595.069	
Cổ tức phải trả cho cổ đông	19.676.572.000	14.950.171.500	
Hội đồng quản trị	77.000.000	267.000.000	
Phải trả khác	7.086.871.208	7.081.756.245	
<b>Cộng</b>	<b>27.473.030.825</b>	<b>22.880.643.846</b>	
<b>18. Dự phòng phải trả dài hạn</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	
Dự phòng các dự án nghiên cứu	16.000.000.000	16.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>	
<b>19. Vốn chủ sở hữu</b>			
<b>a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem trang 34).</b>			
<b>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>			
	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>		
		<b>31/12/2012</b>	
		<b>01/01/2012</b>	
Vốn góp của Nhà nước	29%	29.403.000.000	29.403.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	71%	71.756.320.000	71.756.320.000
Thặng dư vốn cổ phần		108.706.704.458	108.706.704.458
Cổ phiếu quỹ		(14.487.151.158)	(8.160.533.158)
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>195.378.873.300</b>	<b>201.705.491.300</b>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>			
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>	
Vốn góp đầu năm	101.159.320.000	92.100.000.000	
Vốn góp tăng trong năm		9.059.320.000	

Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	101.159.320.000	101.159.320.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.595.715.000	30.761.479.000

<b>d. Cổ tức</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	30%	25%

<b>đ. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.115.932	10.115.932
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.115.932	10.115.932
Cổ phiếu phổ thông	10.115.932	10.115.932
Số lượng cổ phiếu được mua lại	277.646	149.151
Cổ phiếu phổ thông	277.646	149.151
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.838.286	9.966.781
Cổ phiếu phổ thông	9.838.286	9.966.781
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Quỹ đầu tư phát triển	226.272.778.012	196.630.318.232
Quỹ dự phòng tài chính	10.115.932.000	10.049.416.533
<b>Cộng</b>	<b>236.388.710.012</b>	<b>206.679.734.765</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

<b>20. Nguồn kinh phí</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	1.217.619.400	1.217.619.400
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	55.580.600	-
Chi sự nghiệp	973.200.000	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	300.000.000	1.217.619.400

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Doanh thu bán thành phẩm	711.734.389.457	720.336.948.767
Doanh thu dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	16.320.806.704	9.372.737.115
Doanh thu bán hàng hóa	359.693.102.231	295.054.725.560
Doanh thu bán vật tư	11.000.397.682	18.245.493.231
Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.454.545.454	2.350.909.092
<b>Cộng</b>	<b>1.101.203.241.528</b>	<b>1.045.360.813.765</b>



	Năm 2012	Năm 2011
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	422.792.859	606.116.965
<b>Cộng</b>	<b>422.792.859</b>	<b>606.116.965</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Doanh thu bán thành phẩm	711.311.596.598	719.730.831.802
Doanh thu dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	16.320.806.704	9.372.737.115
Doanh thu bán hàng hóa	359.693.102.231	295.054.725.560
Doanh thu bán vật tư	11.000.397.682	18.245.493.231
Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.454.545.454	2.350.909.092
<b>Cộng</b>	<b>1.100.780.448.669</b>	<b>1.044.754.696.800</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Giá vốn thành phẩm bán ra	514.416.249.617	534.874.084.535
Giá vốn dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	5.676.647.818	3.633.983.455
Giá vốn hàng hóa bán ra	357.512.970.560	293.243.929.110
Giá vốn vật tư, dịch vụ đã cung cấp	10.121.891.085	16.772.856.990
<b>Cộng</b>	<b>887.727.759.080</b>	<b>848.524.854.090</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	224.010.704	701.059.666
Cổ tức, lợi nhuận được chia	746.254.500	4.954.544.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	337.699.770	1.882.056.180
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.857.762	
<b>Cộng</b>	<b>1.317.822.736</b>	<b>7.537.660.346</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Lãi tiền vay	459.115.106	403.183.752
Phí rút tiết kiệm trước hạn	-	61.071.583
Chi phí dự phòng đầu tư dài hạn	-	2.628.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.042.972.037	3.072.078.568
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	185.113.797	
<b>Cộng</b>	<b>1.687.200.940</b>	<b>6.164.333.903</b>
<b>7. Chi phí bán hàng</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Chi phí nhân viên	17.041.540.265	15.505.378.624
Chi phí hoa hồng	20.790.611.211	17.272.967.361
Chi phí khấu hao TSCĐ	453.984.778	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.762.001.581	11.477.912.929
Chi phí bằng tiền khác	729.061.527	538.465.785
<b>Cộng</b>	<b>52.777.199.362</b>	<b>44.794.724.699</b>
<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Chi phí nhân viên	20.726.881.416	20.198.592.721
Chi phí vật liệu quản lý	5.663.179.258	6.662.153.764
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.062.610.596	6.542.828.935
Thuế, phí, lệ phí	10.205.543.870	4.589.203.676

Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.688.512.309	1.747.259.817
Chi phí bằng tiền khác	14.178.215.271	15.318.355.380
<b>Cộng</b>	<b>59.524.942.720</b>	<b>55.058.394.293</b>
<b>9. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Thanh lý tài sản cố định	2.858.009.092	487.155.291
Thu nhập khác (Xử lý kiểm kê thừa)	1.695.872.807	2.902.127.640
<b>Cộng</b>	<b>4.553.881.899</b>	<b>3.389.282.931</b>
<b>10. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.541.400.000	-
Chi phí khác (Xử lý kiểm kê thiếu)	1.218.203	215.364.405
<b>Cộng</b>	<b>2.542.618.203</b>	<b>215.364.405</b>
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>102.392.432.999</b>	<b>100.923.968.687</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>	<b>25.768.866.867</b>	<b>18.056.256.548</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	26.524.979.129	23.010.801.048
- Các khoản điều chỉnh giảm	(756.112.262)	(4.954.544.500)
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)</b>	<b>128.161.299.866</b>	<b>118.980.225.235</b>
<b>4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>32.040.324.967</b>	<b>23.952.842.062</b>
+ Thuế TNDN phải nộp (thuế suất 20%)	-	23.168.856.988
+ Thuế TNDN phải nộp (thuế suất 25%)	32.040.324.967	783.985.074
<b>5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>32.040.324.967</b>	<b>23.952.842.062</b>
<b>12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	520.785.432.104	529.738.235.430
Chi phí nhân công	66.020.408.800	68.400.531.175
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.832.847.963	15.959.040.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.456.782.451	12.562.829.385
Chi phí khác bằng tiền	17.456.785.432	18.397.237.650
<b>Cộng</b>	<b>634.552.256.750</b>	<b>645.057.874.549</b>
<b>13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>70.352.108.032</b>	<b>76.971.126.625</b>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.</b>	<b>70.352.108.032</b>	<b>76.971.126.625</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.896.579	9.513.815
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.109</b>	<b>8.090</b>

#### 14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

##### 14.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các **tiền, tiền gửi và các khoản vay, nợ và các khoản đầu tư**.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày **31 tháng 12 năm 2012**.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày **31 tháng 12 năm 2012**.

##### 14.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản **tiền, tiền gửi, vay và nợ** của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các **khoản tiền, tiền gửi, vay và nợ** của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền, tiền gửi, vay và nợ với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Cho thời kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>		
VNĐ	-200	(1.086.677.486)
VNĐ	+200	1.086.677.486
<b>Cho thời kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>		
VNĐ	-300	(426.052.852)
VNĐ	+300	426.052.852

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ

### *Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Độ nhạy của các khoản vay của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	<i>Thay đổi tỷ giá USD</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay	+ 1%	(23.289.573)
	- 1%	23.289.573
Năm trước	+ 1%	137.996.941
	- 1%	(137.996.941)

### **14.3 Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư bị ảnh hưởng giá thị trường của Công ty là 13.827.601.100 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 1.382.760.110 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 1.382.760.110 đồng Việt Nam.

### **14.4 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Công ty có chính sách hạn chế cung cấp tín dụng khi khách hàng có dấu hiệu khả năng thanh toán trễ hạn.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### **14.5 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ

<b>31 tháng 12 năm 2012</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán	35.375.199.920	-	-	35.375.199.920
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35.375.199.920</b>	-	-	<b>35.375.199.920</b>
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	51.049.197.599	-	-	51.049.197.599
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>51.049.197.599</b>	-	-	<b>51.049.197.599</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại. Đồng thời công ty kiểm soát lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động để có thể thanh toán các khoản nợ vay đến hạn thanh toán.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không thế chấp và nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 01 tháng 01 năm 2012.

**15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 35)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 01 tháng 01 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An sinh	Công ty liên kết	Bán hàng	<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>274.201.128</b>
			Bán hàng trong năm	4.914.836.075
			Thu tiền trong năm	4.689.966.154
			<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>499.071.049</b>
Công ty CP Dược phẩm Mekong	Công ty liên kết	Bán hàng	<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>1.395.134.292</b>
			Bán hàng trong năm	14.514.073.889
			Thu tiền trong năm	13.837.665.048
			<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.071.543.133</b>
		Mua hàng	<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>429.346.812</b>
	Mua hàng trong năm		7.568.007.881	
	Trả tiền trong năm		7.923.802.939	
	<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>73.551.754</b>	

**2. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

**Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2012**

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần (1)	Giá vốn (2)	Lợi nhuận gộp (3)=(1)-(2)
Thành phẩm	711.311.596.598	514.416.249.617	<b>196.895.346.981</b>
Dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	16.320.806.704	5.676.647.818	<b>10.644.158.886</b>
Hàng hóa	359.693.102.231	357.512.970.560	<b>2.180.131.671</b>
Vật tư	11.000.397.682	10.121.891.085	<b>878.506.597</b>
Cho thuê mặt bằng	2.454.545.454		<b>2.454.545.454</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.100.780.448.669</b>	<b>887.727.759.080</b>	<b>213.052.689.589</b>

**Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo khu vực địa lý năm 2012**

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**3. Những thông tin khác.**

Trong kỳ, công ty đã xin hủy niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM. Lý do tự nguyện rời sàn là để tái cơ cấu vốn cổ đông nước ngoài cho phù hợp chức năng kinh doanh ngành nghề đăng ký thêm "bán buôn, bán lẻ dược phẩm". Ngày hủy niêm yết có hiệu lực bắt đầu từ ngày 12/07/2012.

Kế toán trưởng

CN. Lê Thị Thúy Hằng

TP. HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2013



DS. Huỳnh Thị Lan